

Lào Cai, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Thực trạng công tác quản lý tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non

Kính gửi: Vụ Giáo dục Mầm non- Bộ GD&ĐT

Thực hiện công văn số 1677/BGDĐT-GDMN, ngày 18/4/2023 về việc báo cáo thực trạng quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai báo cáo như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Trong những năm qua, đặc biệt là những năm gần đây, Đảng, Nhà nước, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục mầm non. Cấp học mầm non tỉnh Lào Cai đã phát triển mạnh về quy mô, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống mạng lưới trường lớp mầm non được quy hoạch, mở rộng, đa dạng các loại hình, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

1.1. Quy mô trường, lớp, trẻ em

Năm học 2022-2023, toàn tỉnh có 197 trường (trong đó có 15 trường tư thục) và 744 điểm trường lẻ. Tổng số nhóm, lớp: 2.350 (trong đó nhóm trẻ: 365, lớp mẫu giáo: 1985). Tổng số trẻ em: 57.381 (trong đó, trẻ nhà trẻ: 9809 đạt tỷ lệ huy động 28,5%; trẻ mẫu giáo: 47.572 đạt tỷ lệ huy động 96,8%, trẻ mẫu giáo 3 tuổi đạt 94,4%, trẻ mẫu giáo 4 tuổi đạt 96,9%, mẫu giáo 5 tuổi duy trì 99,8%).

2.2. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất trường, lớp học tiếp tục được tăng cường theo hướng kiên cố hóa và trang thiết bị hiện đại, đảm bảo tỉ lệ 01 phòng/01 lớp với tổng số 2350 phòng học (kiên cố 1.591, đạt 67,7% tăng 0,8% so với cùng kì năm học 2021-2022, bán kiên cố 729, chiếm 31%; tạm, mượn 20 phòng, chiếm 1,3% giảm 0,3% so với cùng kì năm học trước).

Cảnh quan, quy hoạch xây dựng các trường, điểm trường được sắp xếp khoa học, thẩm mỹ hơn, cơ bản đảm bảo thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu đối với các lớp mẫu giáo 5 tuổi, 4 tuổi thực hiện thí điểm PCGDMN 4 tuổi.

2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV)

Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 5328 người (CBQL: 486; giáo viên: 4302; nhân viên: 540). Giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019: 3917/4302, đạt 91%; chưa đạt chuẩn: 387/4302 người, chiếm 9%. Định mức trung bình toàn tỉnh đạt 1,86 giáo viên/nhóm, lớp.

II. CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, BAN HÀNH, THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ GDMN

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục mầm non theo quy định của Trung ương và

địa phương và ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương trong việc phát triển giáo dục mầm non như: Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020, Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Công văn số 129/UBND-VX ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết 28/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết 29/2020 NQ-HĐND ngày 04/12/2020, Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021, Công văn số 74/SGD&ĐT- KHTH ngày 15/01/2021 về việc thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch phát triển GDMN tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018-2025; Điều lệ trường MN; Thông tư sửa đổi, bổ sung Chương trình GDMN, Thông tư Quy định tiêu chuẩn và lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non; Kế hoạch 121/KH-SGD&ĐT, ngày 20/7/2021 về thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch 122/KH-SGD&ĐT, ngày 27/7/2021 về chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025; Công văn 1490/SGD&ĐT-GDMN ngày 30/8/2022 về hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2022-2023; Công văn 902/SGD&ĐT-GDMN ngày 01/6/2021 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo; Công văn 839/SGD&ĐT- GDMN, ngày 27/5/2022 về hướng dẫn chuẩn bị các điều kiện năm học, cấp học mầm non; Công văn 1619/SGD&ĐT-GDMN, ngày 20/9/2022 về tăng cường các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trong các cơ sở GDMN; Công văn 1631/SGD&ĐT-GDMN, ngày 20/9/2022 về tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN QUY MÔ MẠNG LƯỚI VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ EM TẠI CÁC CƠ SỞ GDMN

1. Công tác quy hoạch mạng lưới, phát triển quy mô cơ sở giáo dục ngoài công lập, kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn

Mạng lưới trường lớp được quy hoạch, sắp xếp lại, quy mô trường mầm non được phát triển, hợp lý đáp ứng tốt hơn nhu cầu gửi trẻ của nhân dân. Năm học 2022- 2023, có 197 trường giảm 6 trường liên cấp, tăng 3 trường mầm non tư thục so với năm 2015. Thực hiện chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập ở những nơi có điều kiện; từng bước đầu tư hạ tầng CNTT để đẩy mạnh ứng dụng trong quản lý, dạy và học đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; thực hiện ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến, giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, xây dựng lớp học thông minh, giờ học kết nối, xây trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia đạt 136 trường, 69%.

Năm học 2022- 2023, toàn tỉnh có 15 trường mầm non tư thục, 69 nhóm lớp độc lập tư thục, dự kiến đến năm 2025 thành lập mới 02 trường mầm non tư thục tại thành phố Lào Cai. Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện Điều lệ trường mầm non, Quy chế tổ chức hoạt động trường mầm non tư thục theo văn bản số 04/VBHN-BGDĐT, ngày 24/12/2015 ban hành Điều lệ trường mầm non và văn

bản số 06/VBHN-BGDĐT, ngày 18/6/2018 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường MN tư thục. Thực hiện nghiêm túc các quy định về điều kiện, thủ tục, thẩm quyền, hồ sơ và trình tự thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở GDMN, lớp độc lập tư thục tại địa bàn. Kiên quyết không thành lập và cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở không đủ điều kiện theo qui định Điều lệ trường mầm non.

Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng tiêu chí đánh giá và quy trình công nhận trường mầm non trọng điểm chất lượng giáo dục tỉnh Lào Cai, phấn đấu xây dựng trường Mầm non Hoa Mai thành phố Lào Cai trở thành trường mầm non trọng điểm chất lượng giáo dục của tỉnh. Triển khai, thực hiện giáo dục STEM, STEAM trong các cơ sở giáo dục mầm non.

2. Quản lý về đội ngũ

Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 5328 người (CBQL: 486; giáo viên: 4302; nhân viên: 540), định mức trung bình toàn tỉnh đạt 1,86 giáo viên/nhóm, lớp. Hằng năm, Sở GD&ĐT rà soát, tham mưu UBND tổ chức thi tuyển tiếp nhận, tuyển bổ sung giáo viên; Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố sắp xếp giáo viên giữa các đơn vị để đảm bảo số lượng và tỷ lệ giáo viên/lớp giữa các đơn vị.

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của tỉnh ủy), Sở GD&ĐT xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non trong năm học (Kế hoạch 140/KH-SGD&ĐT ngày 30/6/2022 về thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong hè năm 2022 và năm học 2022-2023). Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho giáo viên để thực hiện chương trình GDMN mới. Thực hiện tốt các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm, khen thưởng và các quyền lợi khác cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.

Tập trung đào tạo trình độ chuẩn, trên chuẩn cho giáo viên mầm non theo đúng thời gian, lộ trình tại Kế hoạch số 307/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh Lào Cai. Chất lượng đội ngũ đạt trình độ đào tạo chuẩn theo Luật giáo dục 2019 cấp Mầm non 3917/4302, đạt 91%.

Thực hiện bồi dưỡng, tự bồi dưỡng về kỹ năng tin học và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho CBQL, GV nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong thời kỳ công nghệ 4.0.

3. Quản lý về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Cơ sở vật chất trường, lớp học tiếp tục được tăng cường đảm bảo tỉ lệ 01 phòng/01 lớp với tổng số 2350 phòng học (kiên cố 1.591, đạt 67,7% tăng 0,8% so với cùng kì năm

học 2021-2022, bán kiên cố 729, chiếm 31%; tạm, mượn 20 phòng, chiếm 1,3%). Đảm bảo có đủ thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu đối với các lớp mẫu giáo 5 tuổi, 4 tuổi.

Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh về chiến lược phát triển giáo dục, chú trọng phát triển giáo dục vùng cao; đồng thời, tập trung chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục phát triển mạnh giáo dục dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh. Cụ thể hóa Nghị quyết bằng nhiều cơ chế, chính sách, đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và đã bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của tỉnh; tham mưu huy động nhiều nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục.

Sở GD&ĐT chỉ đạo thực hiện việc rà soát cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, trên cơ sở đó các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán, kế hoạch mua sắm thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng, phát huy tối đa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có, còn sử dụng được. Đẩy mạnh các hoạt động thực hiện mô hình “Sáng tạo đồ dùng, đồ chơi mầm non” để tăng cường đồ dùng, thiết bị dạy học và đảm bảo quy định về đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ vào văn bản chỉ đạo của tỉnh, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố tham mưu với UBND cấp huyện cấp ngân sách nhằm hỗ trợ đảm bảo trang cấp, mua sắm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị cần thiết cho các cơ sở giáo dục Mầm non. Tích cực huy động và tranh thủ các nguồn lực xã hội hóa giáo dục, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, các doanh nghiệp, các nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Quản lý về tài chính

Các cơ sở GDMN thực hiện quản lý sử dụng các khoản thu chi từ nguồn xã hội hóa, hỗ trợ, tài trợ theo đúng quy định tại văn bản số 991/SGD&ĐT-KHTC ngày 8/7/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tăng cường quản lý về tài trợ; các khoản thu, chi thỏa thuận phục vụ trực tiếp cho người học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Các khoản vận động, tài trợ; khoản thu dịch vụ, hỗ trợ người học các trường cơ bản đã thực hiện đúng quy trình, công khai theo quy định.

Các cơ sở GDMN được giao quyền tự chủ về tài chính, hằng năm đều lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất trình UBND huyện, thị xã, thành phố thẩm định, phê duyệt; thực công khai niêm yết quyết toán đầy đủ theo quy định trên bảng tin và tại cuộc họp HĐSP để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh nhà trường được biết.

Các cơ sở GDMN đã ứng dụng công nghệ thông tin thông qua sử dụng phần mềm kế toán MISA trong việc quản lý tài chính, tài sản; xây dựng cơ sở dữ liệu tài sản công, minh bạch, công khai hóa bằng hình thức đưa các dữ liệu đó lên không gian mạng tạo hành lang pháp lý quan trọng nhằm đảm bảo công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản hiệu quả, giúp ngăn chặn, đẩy lùi thất thoát, lãng phí, tham nhũng và các hành vi khác xâm phạm tài sản công.

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TỔ CHỨC NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ EM TẠI CÁC CƠ SỞ GDMN

Quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ trẻ trong công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. Đặc biệt, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ theo Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN.

Phối hợp với ngành Y tế quản lý, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, khám sức khỏe định kỳ, thực hiện tốt công tác y tế học đường, tiêm chủng, theo dõi biểu đồ phát triển ở 100% trẻ ra lớp để giảm thiểu tối đa tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng các thể nhẹ cân, thấp còi và thừa cân. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 9,3%, thể thấp còi 7,7%. Chú trọng sử dụng thực phẩm địa phương và cập nhật hướng dẫn xây dựng thực đơn, khẩu phần theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT, Quyết định số 588/QĐ0TTg ngày 17/5/2019 để cải thiện, nâng cao chất lượng bữa ăn hàng ngày cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số.

100% các cơ sở GDMN thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư sửa đổi, bổ sung; đổi mới, sáng tạo trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm; ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo ở 100% các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đảm bảo phù hợp với từng đơn vị; thường xuyên phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; tiếp tục nhân rộng trong toàn tỉnh Bộ tài liệu hướng dẫn kĩ năng làm quen với đọc, viết và toán từ sớm, tài liệu giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ nhằm hỗ trợ thực hiện chương trình GDMN.

Triển khai giai đoạn 2 kế hoạch thực hiện Đề án Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” Chú trọng tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS sống tại vùng sâu, vùng núi cao, tại các khu vực biệt lập với người Kinh, nơi khả năng tiếng Việt của trẻ còn hạn chế. Thực hiện chuẩn hóa giáo dục mầm non vùng cao đối với các trường mầm non vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số chưa đạt chuẩn quốc gia.

Tập trung chỉ đạo, tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ; đẩy mạnh việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở các độ tuổi mẫu giáo về các kỹ năng tự phục vụ và biết tránh xa những mối nguy hiểm; an toàn giao thông; hướng dẫn thực hiện lồng ghép giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe với giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong các cơ sở GDMN; tăng cường chuẩn bị cho trẻ em mầm non sẵn sàng vào lớp 1.

Thực hiện hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh ở những nơi có đủ điều kiện, hiện triển khai ở 88 cơ sở GDMN với 16.231 trẻ, đạt 27%.

100% các cơ sở GDMN tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, bảo vệ bản thân và môi trường sống.

Thực hiện giáo dục hòa nhập và các chính sách ưu tiên trong giáo dục đối với trẻ khuyết tật như: Tập huấn cho giáo viên các nội dung giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt; khuyến khích huy động và đảm bảo chính sách cho trẻ khuyết tật ra lớp.

Chỉ đạo các đơn vị tổ chức giao lưu, tạo sân chơi cho trẻ, giúp trẻ mạnh dạn, tự tin, rèn kiến thức, kỹ năng phù hợp với lứa tuổi.

Tiếp tục rà soát, bổ sung đảm bảo tối thiểu cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu về ứng dụng CNTT cho 100% cơ sở GDMN. Tính đến tháng 6/2023, số trẻ được làm quen với tin học đạt 48%.

100% các cơ sở GDMN ứng dụng CNTT trong công tác thống kê, báo cáo, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành, dữ liệu PCGDMNTNT. Quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách chuyên môn đảm bảo tinh gọn, khoa học, theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non, tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử.

Thực hiện chương trình thí điểm xóa mù công nghệ số, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục mầm non đối với trường mầm non Tả Phìn, thị xã Sa Pa.

Phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức, xây dựng bổ sung và khai thác sử dụng ngân hàng video “cùng học với trẻ mầm non” trên địa chỉ Website laocai.edu.vn đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

V. CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA CƠ SỞ GDMN VỚI GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Chỉ đạo các phòng GD&ĐT hướng dẫn các nhà trường thực hiện tốt Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh để tuyên truyền tới cộng đồng để mua sắm đồ dùng thiết bị học tập và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục, đóng góp ngày công để tu sửa cơ sở vật chất, làm đường đi, vườn rau xanh tạo cảnh quan Sạch - xanh - đẹp trong nhà trường và nấu ăn cho trẻ tại một số điểm trường. Ngoài ra các trường còn vận động kêu gọi các tổ chức từ thiện quyên góp ủng hộ đồ dùng bán trú, xây dựng một số công trình phụ trợ (cổng trường, tường bao quanh, bếp ăn, sân chơi...) trị giá hàng tỷ đồng, đặc biệt, một số trường MN đã xây dựng được tầm nhìn, sứ mệnh chiến lược, góc tuyên truyền chăm sóc, giáo dục trẻ theo khoa học.

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định về công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và xã hội: Hoạt động của của Ban đại diện cha mẹ trẻ

em; Sự tham gia của ban đại diện cha mẹ trẻ em và đại diện chính quyền địa phương trong Hội đồng trường; sự phối hợp trong hoạt động NDCSGD trẻ tại cơ sở GDMN; ứng dụng CNTT trong công tác trao đổi thông tin giữa cơ sở GDMN và gia đình; công tác xã hội hóa thực hiện nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em...

VI. CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Các cơ sở GDMN thực hiện tốt công tác huy động các đơn vị, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ kinh phí mua sắm, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, tiêu biểu như: thành phố Lào Cai, Bát Xát, Văn Bàn. Huy động công lao động, nguyên vật liệu của nhân dân, cha mẹ trẻ, lực lượng vũ trang, đoàn thanh niên... để cải tạo, sửa chữa xây dựng trường, lớp học.

Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục mầm non; Triển khai Đề án Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030; quản lý các cơ sở GDMN liên kết, hợp tác đầu tư với nước ngoài; Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong GDMN tại địa phương và thực hiện đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục mầm non trong các cơ sở GDMN có điều kiện, cơ hội tiếp cận và hội nhập.

VII. THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ, QUY CHẾ THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GDMN

Quản lý tài chính trong CSGDMN: Các trường MN bao gồm cả ngoài công lập chịu sự quản lý trực tiếp của phòng GD&ĐT cấp huyện có quy định chung của tỉnh (theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 30/8/2018 qui định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; công văn 139/UBND- VX ngày 14/1/2015 về việc chấn chỉnh việc thực hiện và quản lý nguồn thu XHHGD trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn 1349/SGD&ĐT-KHTC ngày 04/9/2015 của Sở GD&ĐT Lào Cai) và hướng dẫn của phòng Tài chính về thu chi, huy động nguồn lực tài chính, thực hiện chính sách với đội ngũ CBQL, GV, NV, trẻ em; riêng các nhóm, lớp ĐLTT việc thu chi, huy động nguồn lực tài chính, thực hiện chính sách với đội ngũ CBQL, GV, NV phải có kế hoạch trình UBND xã, phường cho phép. Hằng năm, được các cấp quản lý kiểm tra, chấn chỉnh, hướng dẫn thực hiện kịp thời.

VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CƠ SỞ GDMN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

1. Ưu điểm

Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các cơ chế, chính sách đối với giáo dục mầm non; các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với giáo dục vùng cao, đặc biệt các chế độ hỗ trợ ăn trưa cho trẻ, chế độ hỗ trợ GV dạy tăng cường tiếng Việt, dạy lớp ghép, hỗ trợ chi phí học tập... được thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

Mạng lưới trường lớp mầm non được củng cố và phát triển, hầu hết các thôn bản đều có lớp mầm non, 100% xã, phường, thị trấn có trường mầm non đặt tại trung tâm xã; tỷ lệ trường MN đạt chuẩn quốc gia tăng mạnh, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục vùng cao và tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ em vùng DTTS. Cơ bản xoá phòng học tạm, 100% lớp MN có phòng học, sân chơi và đồ chơi cho trẻ. Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được quan tâm đầu tư, góp phần ổn định quy mô giáo dục.

Các cơ sở GDMN thực hiện điều chỉnh kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với diễn biến dịch Covid -19, đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần cho trẻ; sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục tiếp tục chuyển biến rõ rệt và toàn diện, vững chắc từ vùng thấp đến vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; có nhiều mô hình và giải pháp đặc thù nâng cao chất lượng giáo dục trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số và chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ em làm trung tâm”. Ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo ở 100% các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đảm bảo phù hợp với từng đơn vị.

Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được củng cố, duy trì vững chắc ở 152/152 xã, phường, thị trấn và 9 huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện thí điểm PCGDMN cho trẻ em 4 tuổi đang được triển khai thực hiện. Công tác xã hội hóa được đẩy mạnh và triển khai bằng nhiều hình thức, biện pháp, giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả, nâng cao hiểu biết, sự đồng thuận và tham gia của người dân đối với giáo dục mầm non.

2. Hạn chế, khó khăn

- Một số xã vùng cao, định mức giáo viên/lớp còn thấp so với mức trung bình toàn tỉnh, do đó gây khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Một số quy định, cơ chế, chính sách của Trung ương chưa được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung kịp thời để giải quyết các vấn đề lớn mà thực tiễn đang đặt ra. Cụ thể: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi (chưa có trong Luật Giáo dục 2019), chưa có quy định chuyển đổi các cơ sở giáo dục mầm non công lập thành ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao.

- Do đặc thù miền núi, vùng cao quỹ đất giành để xây dựng trường MN hẹp; một số xã còn nhiều điểm trường, khó khăn trong việc đầu tư nguồn lực, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, vẫn còn một số phòng học chưa được xây dựng kiên cố và phải học mượn, nhờ, học tạm (chiếm 32,3%). Còn nhiều điểm trường công trình vệ sinh, bếp ăn chưa đạt chuẩn, chưa đủ nước sạch; thiếu đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu cho trẻ dưới 5 tuổi và thiết bị giáo dục hiện đại.

IX. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CƠ SỞ GDMN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc phát triển giáo dục mầm non. Đưa mục tiêu phát triển giáo dục mầm non vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để thực hiện tốt các quy định, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đảm bảo sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non, hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động; tăng cường sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của nhà nước để nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú cho tất cả trẻ mầm non ra lớp. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Chú trọng giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số, đẩy mạnh hoạt động cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học-tiếp cận công nghệ số ở những nơi có đủ điều kiện. Nâng cao chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, chuẩn hóa giáo dục vùng cao.

- Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên và nhân viên công lập và ngoài công lập: Đào tạo, bồi dưỡng CBQL, giáo viên có chất lượng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp; chuyên môn nghiệp vụ; hiểu biết xã hội; kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm, đủ năng lực hội nhập quốc tế thông qua chính sách tuyển dụng, bồi dưỡng tập trung và tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng; đổi mới nội dung, phương thức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho giáo viên để thực hiện chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi, bổ sung.

- Tiếp tục tham mưu cho tỉnh tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học: Tích cực, chủ động huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục mầm non và thực hiện rà soát danh mục cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, từ đó ưu tiên lựa chọn danh mục đầu tư trước cho các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2022; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng, phát huy tối đa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có, còn sử dụng được. Đẩy mạnh các hoạt động thực hiện mô hình “Sáng tạo đồ dùng, đồ chơi mầm non” để tăng cường đồ dùng, thiết bị dạy học và đảm bảo quy định về đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục mầm non, tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để phát triển GDMN. Phối hợp với các tổ chức quốc tế tổ chức hội nghị, hội thảo về chăm sóc và phát triển trẻ em và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về GDMN; Tiếp thu có chọn lọc các phương pháp giáo dục tiên tiến, hiện đại trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non.

X. KIẾN NGHỊ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 như sau:

"Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 05 tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở"

(Luật Giáo dục quy định hiện nay là: Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở).

Lý do: Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã nêu *"Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa chữ, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi"*

2. Tham mưu sớm ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo tại một số tỉnh, thành phố.

3. Bộ GD&ĐT rà soát, ban hành danh mục sửa đổi, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu đảm bảo để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

4. Phối hợp với các Bộ liên quan có hướng dẫn về việc chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non công lập thành ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao.

5. Bộ GD&ĐT nghiên cứu ban hành quy định cho trẻ MN làm quen với tin học trong các cơ sở GDMN.

6. Tăng mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ; Tăng chế độ cho giáo viên cho giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt.

Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai trân trọng báo cáo Vụ GDMN, Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, GDMN./.

GIÁM ĐỐC

Dương Bích Nguyệt